

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 86/2017/HSST
Ngày 11-12- 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh ngày 19/8/1998; Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn L và con bà Lê Thị T; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2017 đến nay, có mặt.

* Người bị hại:

Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1980 (có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1956 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, Phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Anh Chu Dung C, sinh ngày 30/10/2002 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Y, xã T, huyện M, TP.Hà Nội.

Trú tại: Phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người giám hộ cho anh C: Ông Nguyễn Xuân S1, SN1975 (vắng mặt)

Trú tại: Xã H, huyện P, Thành Phố Hà Nội.

5. Anh Nông Văn L1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Trú tại: Phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T làm thợ phụ hồ xây nhà cho gia đình chị Vũ Thị Thu H, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/9/2017, T đến nhà chị H tại Thôn T, xã N, thị xã P chờ để làm việc. Khi đến nơi T thấy chị H và ông Nguyễn Văn Q là bố chồng chị H đi ra vườn phía trước nhà để dọn dẹp, không có người ở trong nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào trong buồng ngủ của gia đình chị H quan sát thấy trên giường ngủ có một chiếc túi loại giả da màu đen, T mở túi, lục soát, trộm cắp một sấp tiền mệnh giá 500.000đ, đút vào túi áo đang mặc trên người. Sau đó T đi bộ đến khu vực nhà văn hóa thôn T (cách nhà chị H khoảng 25 đến 30m) thì dừng lại đếm được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, T đi đến cửa hàng điện thoại di động Chinh Mai của chị Ngô Thị M ở Phường X, thị xã P mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon5 màu hồng với giá 2.000.000đ; sau đó T đến cửa hàng P của anh Nguyễn Văn H1 ở xã N, thị xã P mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung giá 1.600.000đ và T trả cho anh H1 nợ cũ 200.000đ; T mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát (BKS) xxD1- xxx.xx của anh Nông Văn L1 với giá 4.500.000đ; T cho bạn là anh Chu Dung C 500.000đ, còn lại T chi tiêu cá nhân khác hết 2.695.000đ. Trong tổng số tiền 30.000.000đ trộm cắp được T đã mua sắm, chi tiêu hết là 11.495.000đ (*Mười một triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn đồng*), số tiền còn lại là 18.505.000đ. Chị Vũ Thị Thu H sau khi phát hiện mất tiền đã nghi ngờ Nguyễn Văn T là người chiếm đoạt, nên chị đã có đơn trình báo cơ quan Công an. Công an đã triệu tập T đến làm việc và T đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ gồm:

Ngày 07/9/2017 bị cáo T giao nộp cơ quan điều tra số tiền còn lại là: 18.505.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon5 kèm theo tai nghe, bộ sạc pin; 01 xe mô tô BKS xxD1- xxx.xx.

Ngày 08/9/2017, anh Chu Dung C giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 500.000đ, là tiền bị cáo T cho anh C.

Ngày 28/9/2017 anh Nông Văn L1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đăng ký xe mang tên chị Phạm Thị N.

Ngày 04/10/2017 cơ quan điều tra trả lại cho chị Vũ Thị Thu H tổng số tiền là 19.005.000đ (*Mười chín triệu không trăm linh năm nghìn đồng*).

Ngày 18/10/2017 Nguyễn Văn T đã tác động ông Nguyễn Thái S là ông nội của T bồi thường cho chị H số tiền còn lại 10.995.000đ (*Mười triệu chín*

trăm chín năm nghìn đồng). Chị H đã nhận đủ số tiền là 30.000.000đ, đến nay chị H không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ông S không yêu T trả lại số tiền mà ông đã bồi thường thay cho T.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon5 kèm theo tai nghe và bộ sạc pin và 01 xe mô tô BKS xxD1- xxx.xx cùng 01 đăng ký xe mang tên Phạm Thị N được chuyển theo hồ sơ chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS xxD1- xxx.xx, qua xác minh là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị N, chị N đã bán chiếc xe trên cho anh Nông Văn L1, ngày 07/9/2017 T mua lại chiếc xe này của anh L1.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung T khai nhận đã bán cho một người không quen biết nên không thu hồi được.

Đối với anh Nguyễn Văn H1, chị Ngô Thị M, anh Chu Dung C và anh Nông Văn L1 là những người T mua điện thoại, xe máy, trả nợ và cho tiền, nhưng họ đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập việc xử lý.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 83/KSĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/9/2017. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng như Bản cáo trạng đã đề cập.

Căn cứ vào các chứng và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6giờ 30phút ngày

07 tháng 9 năm 2017, tại nhà chị Vũ Thị Thu H ở Thôn T, xã N, thị xã P bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) của chị Vũ Thị Thu H.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội: “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, điều luật quy định như sau. *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*

Bị cáo đã thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng trật tự an ninh xã hội địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo T thì thấy rằng: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, vì muốn có tiền tiêu xài mà không muốn lao động nên bị cáo đã trộm cắp tài sản của người khác. Nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nộp số tiền trộm cắp là 18.505.000đ và tác động ông nội bồi thường cho người bị hại 10.995.000đ và nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định và bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

* Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu H đã nhận lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), nay chị H không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ông Nguyễn Thái S không yêu bị cáo T trả lại số tiền 10.995.000đ (Mười triệu chín trăm chín năm nghìn đồng) mà ông đã bồi thường thay cho T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon5 kèm theo tai nghe và bộ sạc pin; 01 xe mô tô BKS xxD1- xxx.xx và 01 đăng ký xe mang tên Phạm Thị N, các tài sản này do bị cáo mua bằng tiền trộm cắp, nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền cho người bị hại, nên cần trả lại các tài sản này cho bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn H1, chị Ngô Thị M, anh Chu Dung C và anh Nông Văn L1 không biết tiền bị cáo sử dụng do phạm tội mà có, nên không đề cập việc xử lý là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09 tháng 9 năm 2017.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon5 kèm theo tai nghe và bộ sạc pin, 01 xe mô tô BKS xxD1- xxx.xx và đăng ký xe mang tên Phạm Thị N, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- CA TX.Phúc Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy